

Số: 50 BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

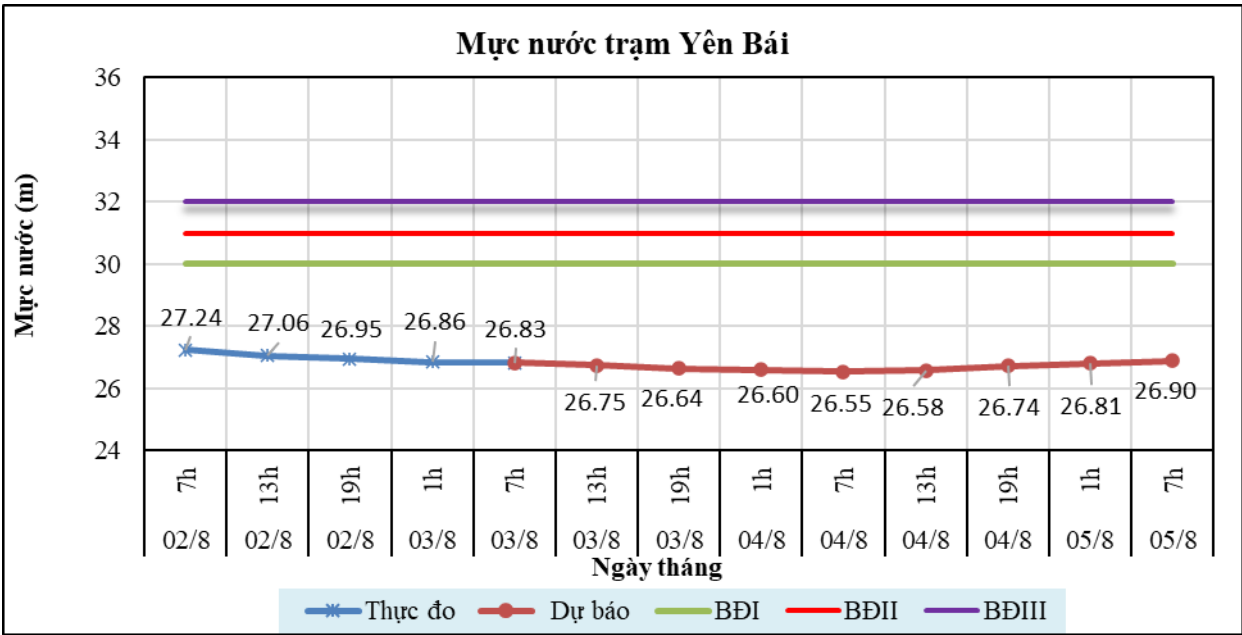
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

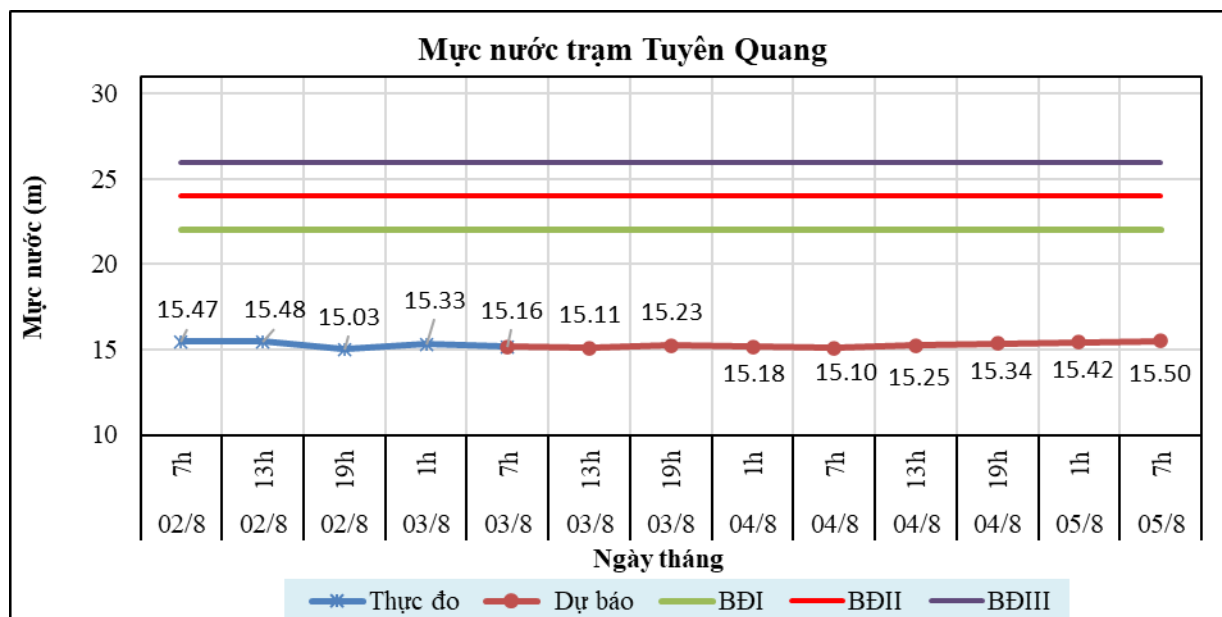
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mực nước trạm Tuyên Quang

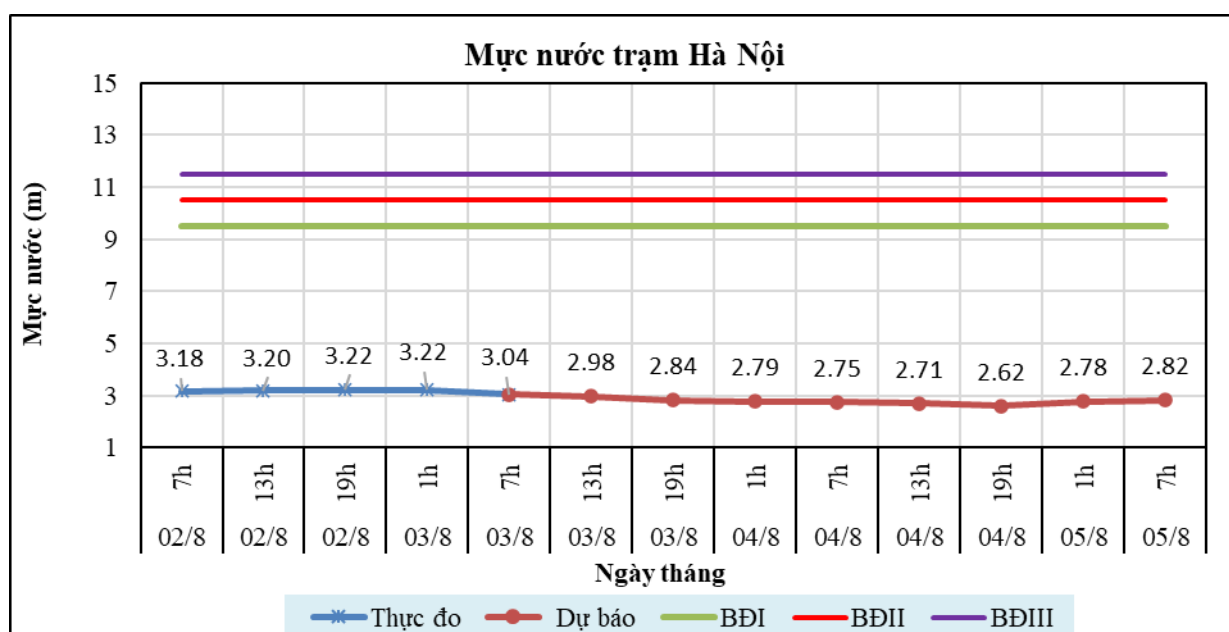
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mực nước trạm Hà Nội

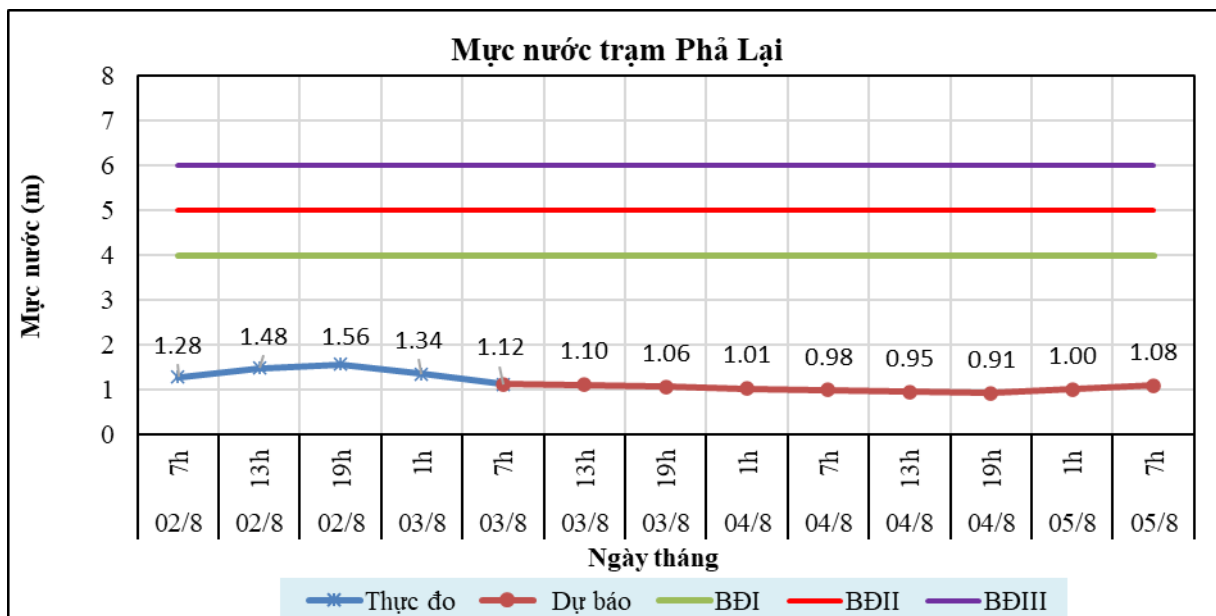
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

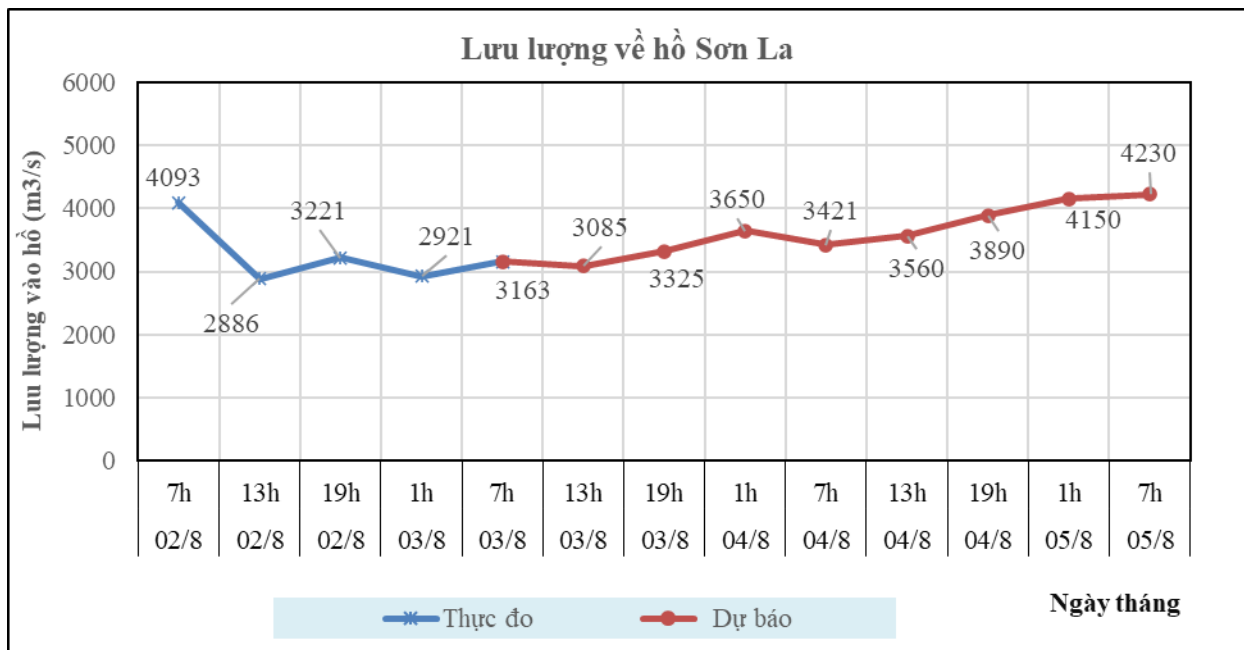
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

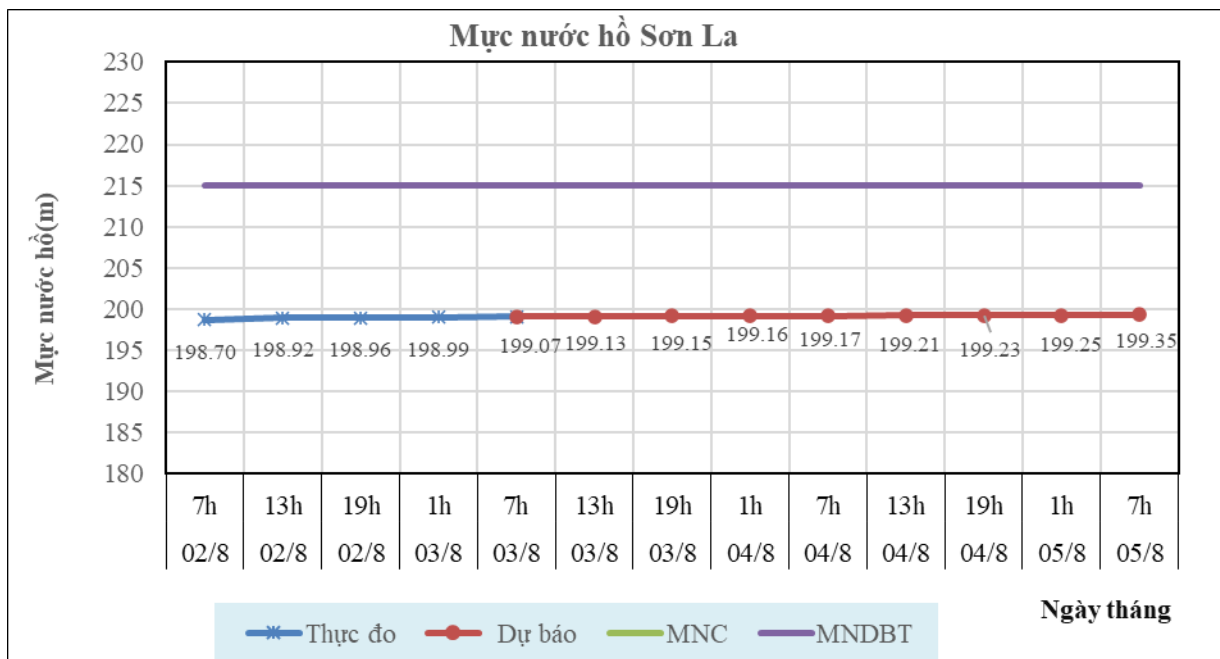
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 03/08/2025 đạt $3163\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 199.07m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $3421\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 199,17m, 48h tới lưu lượng đạt $4230\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 199,35m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

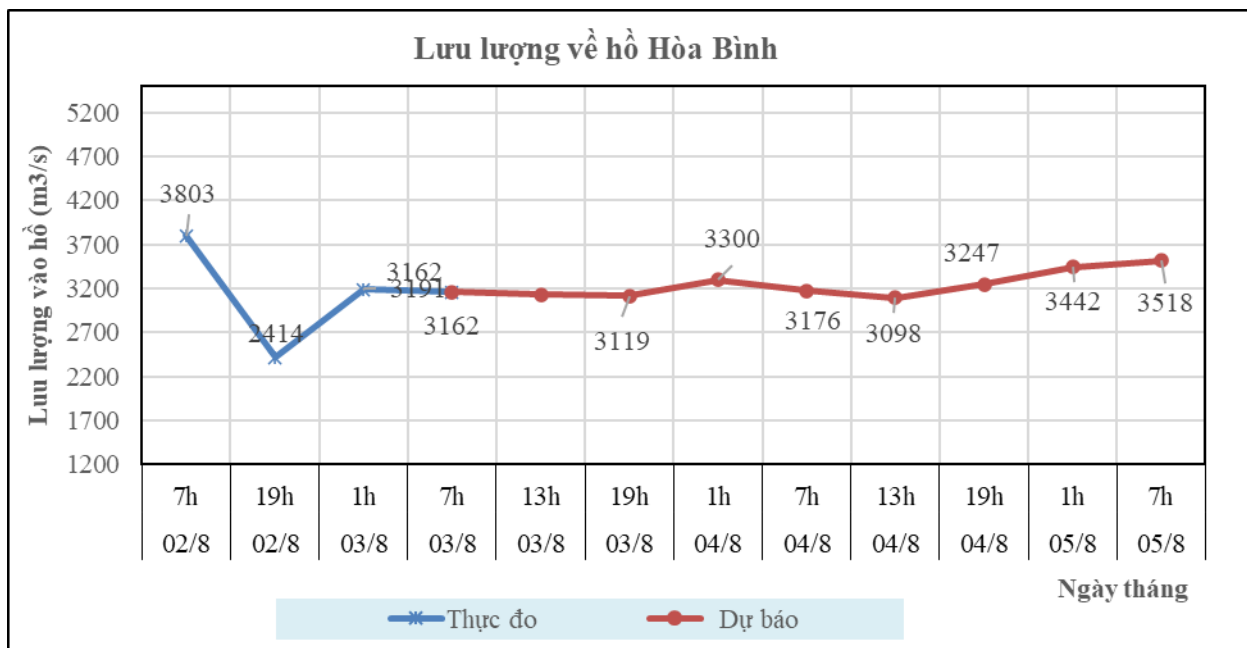
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

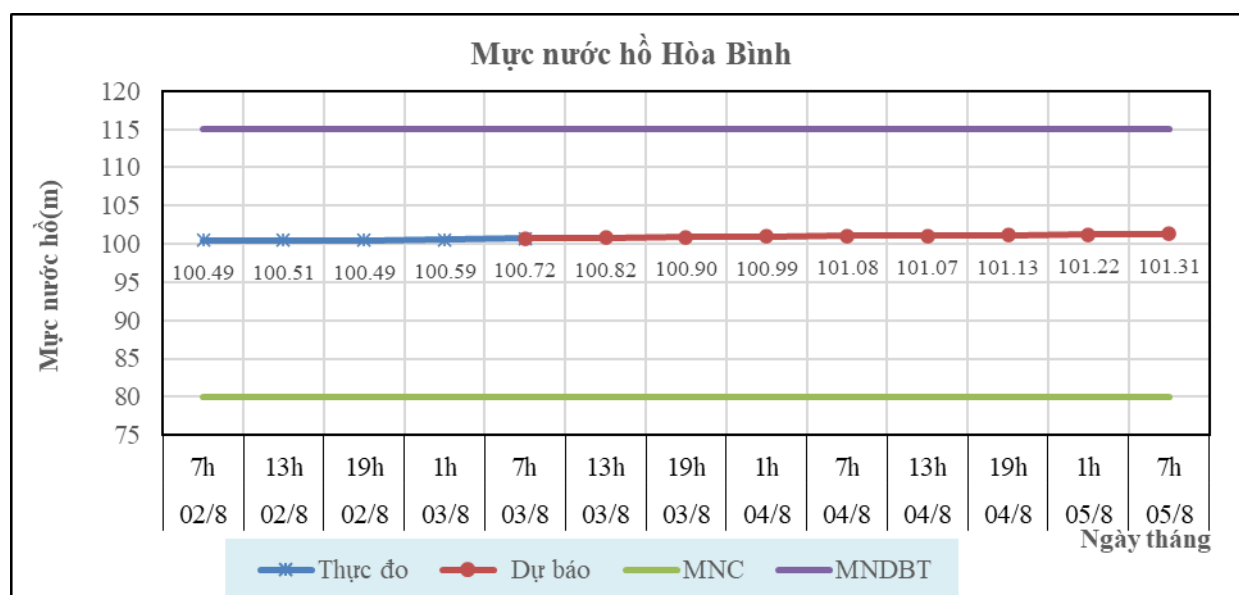
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 03/08/2025 đạt $3162\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 100,72m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $3176\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 101,08m, 48h tới lưu lượng đạt $3518\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 101,31m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

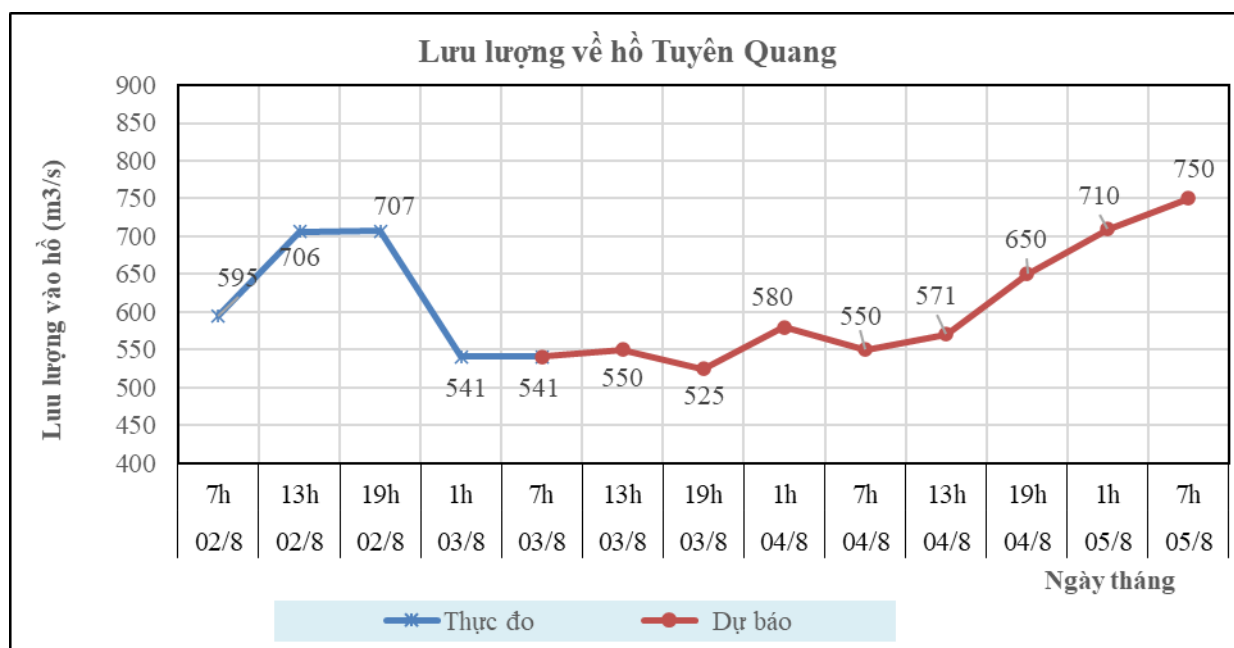
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

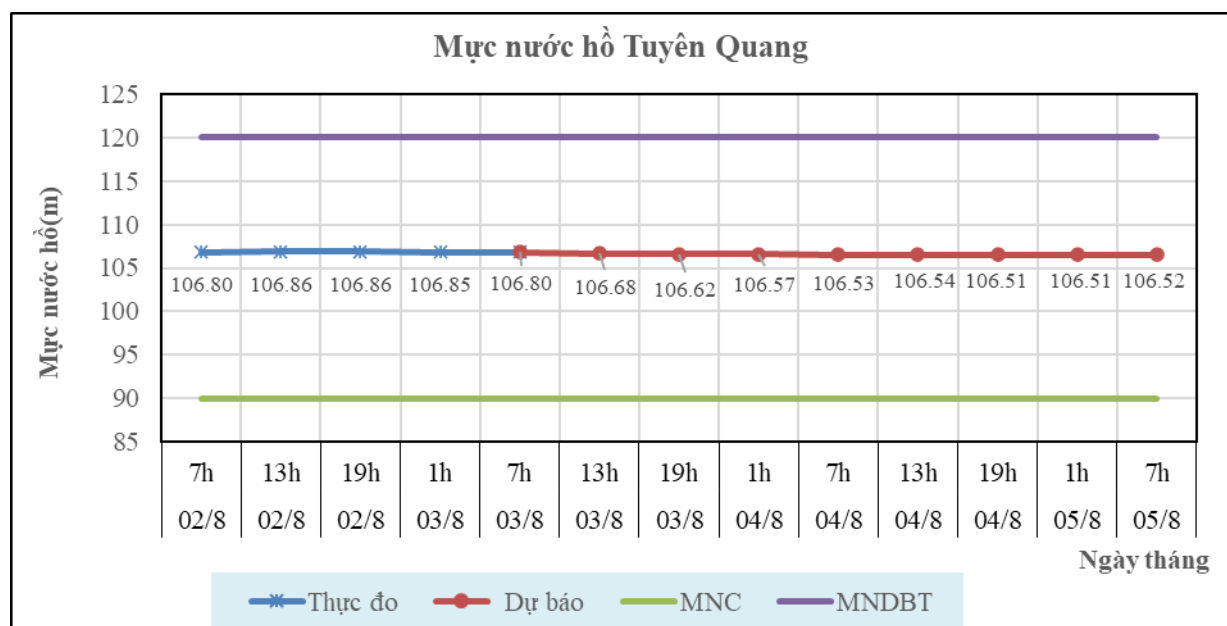
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 03/08/2025 đạt $541\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 106,8m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $550\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ $106,53\text{m}$, 48h tới lưu lượng đạt $750\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt $106,52\text{m}$.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mực nước hồ Tuyên Quang

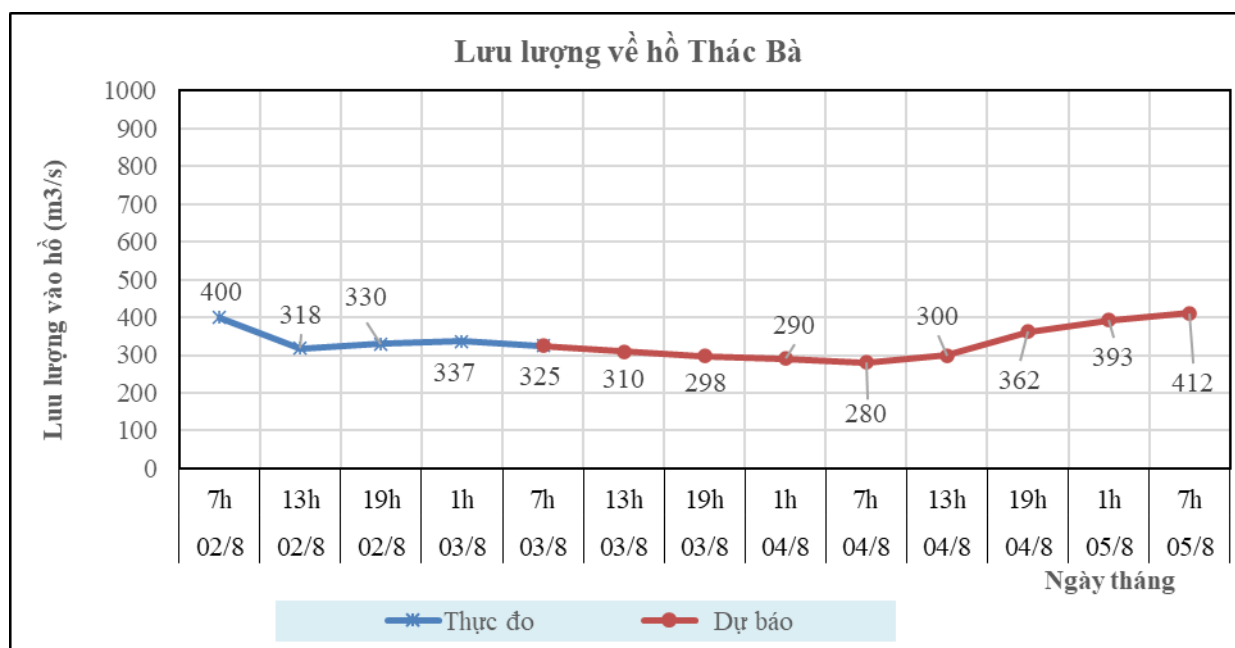
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

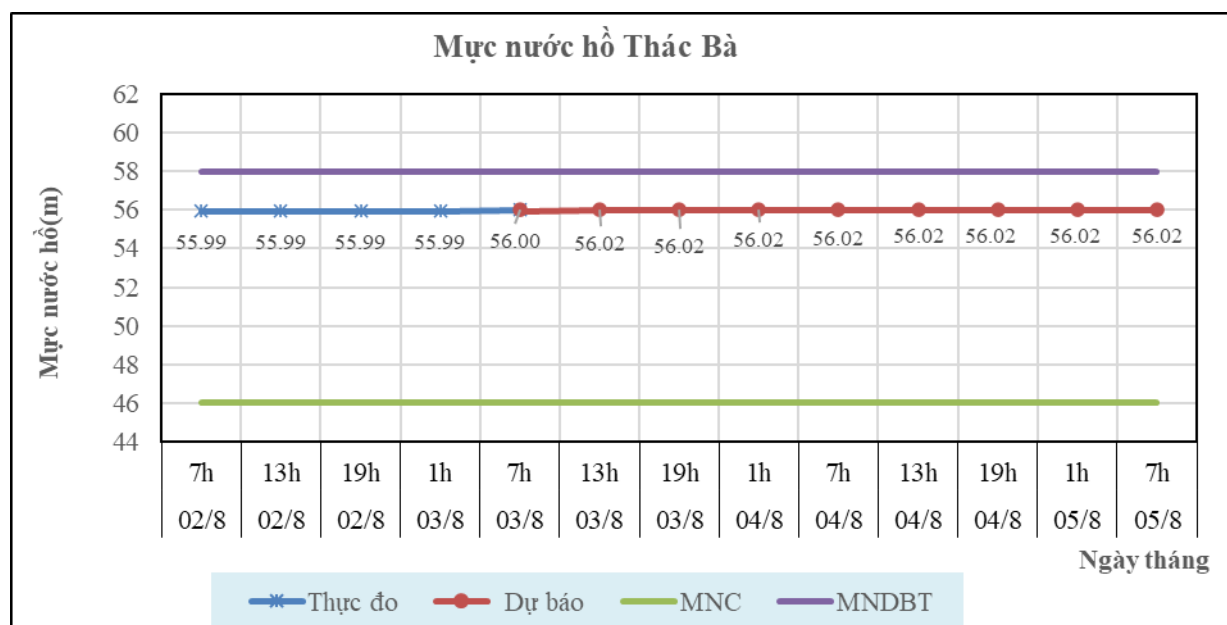
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 03/08/2025 đạt $325\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 56m , lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $280\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ $56,02\text{m}$, 48h tới lưu lượng đạt $412\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt $56,02\text{m}$.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mực nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)
1	8/3/2025	13h	0	0	3085	2500	199.13	0	0	3130	2400	100.82	0	0	550	705	106.68	0	0	310	300	56.02
2		19h	0	0	3325	3320	199.15	0	0	3119	2350	100.90	0	0	525	705	106.62	0	0	298	320	56.02
3	8/4/2025	1h	0	0	3650	3600	199.16	0	0	3300	2480	100.99	0	0	580	705	106.57	0	0	290	290	56.02
4		7h	0	0	3421	2750	199.17	0	0	3176	2370	101.08	0	0	550	500	106.53	0	0	280	0	56.02
5		13h	0	0	3560	3320	199.21	0	0	3098	2600	101.07	0	0	571	700	106.54	0	0	300	286	56.02
6		19h	0	0	3890	3700	199.23	0	0	3247	2550	101.13	0	0	650	702	106.51	0	0	362	315	56.02
7	8/5/2025	1h	0	0	4150	4000	199.25	0	0	3442	2700	101.22	0	0	710	702	106.51	0	0	393	350	56.02
8		7h	0	0	4230	2800	199.35	0	0	3518	2350	101.31	0	0	750	702	106.52	0	0	412	375	56.02